TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 166/2024/HNGĐ-ST Ngày: 30/8/2024 *"V/v ly hôn, con chung"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Vĩnh Mai, ông Hoàng Văn Mầm

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Bích Dịu – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 593/2024/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2024 về việc: "Ly hôn, con chung"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 143/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị Mộng L, sinh năm 1975; Địa chỉ: 2 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Thanh S, sinh năm 1972; Địa chỉ: 2 N, phường T,, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Dương Thị Mộng L *trình bày:*

Bà Dương Thị Mộng L và ông Trần Thanh S hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 22/02/1998.

Quá trình sống chung thì vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, do ông S vô tâm, không quan tâm chăm sóc gia đình, đến khoảng đầu năm 2024 thì mâu thuẫn trở nên mâu thuẫn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống chung bế tắc, ông S thường say xỉn hàng ngày về nhà chửi mắng, đánh đập vợ con vô cớ nhưng vì con cái bà L chịu đựng đến nay, vợ chồng không quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên bà L có nguyện vọng xin được ly hôn với ông Trần Thanh S.

Về con chung: Bà L và ông S có 02 con chung là Trần Thanh Q, sinh ngày 26/04/2001 và Trần Thanh T, sinh ngày 03/6/2009.

Cháu Trần Thanh Q đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thanh C cho đến khi đủ tuổi thành niên và không yêu cầu Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Thanh S đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không lấy lời khai và không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Mộng L được ly hôn với ông Trần Thanh S.

Về con chung: Bà Dương Thị Mộng L và ông Trần Thanh S có 02 con chung là Trần Thanh Q, sinh ngày 26/04/2001 và Trần Thanh T, sinh ngày 03/6/2009.

Cháu Trần Thanh Q đã thành niên nên đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết. Giao con chung là cháu Trần Thanh T, sinh ngày 03/6/2009 cho bà Dương Thị Mộng L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Ông Nguyễn Thanh S1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L không yêu cầu ông S1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Dương Thị Mộng L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp.

Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Dương Thị Mộng L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Thanh S cư trú tại phường T, thành phố B, Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án " Ly hôn, con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Mộng L và ông Trần Thanh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 22/02/1998, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn bà Dương Thị Mộng L trình bày quá trình sống chung thì vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, do ông S vô tâm, không quan tâm chăm sóc gia đình, đến khoảng đầu năm 2024 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không còn khả năng đoàn tụ nên bà L có nguyện vọng được ly hôn với ông S.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương, quá trình bà L, ông Sơn s chung có phát sinh mâu thuẫn, về nguyên nhân cụ thể mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không nắm.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Dương Thị Mộng L và ông Trần Thanh S đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo

dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Dương Thị Mộng L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà L, ông S có 02 con chung là Trần Thanh Q, sinh ngày 26/04/2001 và Trần Thanh T, sinh ngày 03/6/2009. Con chung Trần Thanh Q, sinh ngày 26/04/2001 đã thành niên nên ở với ai là quyền của cháu, bà L không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét giải quyết.

Bà L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Thanh T, sinh ngày 03/6/2009. Xét thấy bà L đủ điều kiện nuôi con, cháu T cũng có nguyện vọng được ở với bà L, vì quyền lợi, cũng như đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý của trẻ, cần giao cháu Trần Thanh T cho bà Dương Thị Mộng L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ tuổi thành niên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Ông Trần Thanh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Dương Thị Mộng L không yêu cầu ông Trần Thanh S cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Dương Thị Mộng L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Dương Thị Mộng L phải chịu án phí hôn nhân và gia dình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 81, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Mộng L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Mộng L được ly hôn ông Trần Thanh S.

Về con chung: Cháu Trần Thanh Q, sinh ngày 26/04/2001 đã thành niên, bà Dương Thị Mộng L không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Giao con chung là cháu Trần Thanh T, sinh ngày 03/6/2009 cho bà Dương Thị Mộng L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ tuổi thành niên.

Ông Trần Thanh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Dương Thị Mộng L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Dương Thị Mộng L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0013059 ngày 27/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- UBND phường Thành Công;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Đình Thanh